

BIÊN BẢN HỌP

Về việc kiểm tra, xác nhận hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước vùng thượng của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11/10/2023 tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cần Giuộc, tổ chức cuộc họp về việc kiểm tra, xác nhận hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc (đính kèm báo cáo của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc).

1. Thành phần tham dự

- Đại diện: Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Bà: Phạm Hồng Ngọc. Chức vụ: PTP. Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Ông: Nguyễn Quốc Triệu. Chức vụ: NV. Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Đại diện: UBND xã Phước Lý.

Ông: Ngô Quốc Đại. Chức vụ: Địa chính Xây dựng.

- Đại diện: UBND xã Long Thượng.

Bà: Lê Hoàng Thơ. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã.

- Đại diện: UBND xã Phước Hậu.

Ông: Nguyễn Tứ Quý. Chức vụ: Địa chính Xây dựng.

- Đại diện: UBND xã Phước Lâm.

Ông: Trần Công Hậu. Chức vụ: CB. Kinh tế - Kế hoạch.

- Đại diện: UBND xã Thuận Thành.

Bà: Phạm Hồng Cúc. Chức vụ: Địa chính Xây dựng.

- Đại diện: UBND xã Mỹ Lộc.

Ông: Ngô Thành Tân. Chức vụ: Địa chính Xây dựng.

- Đại diện: Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

Ông: Nguyễn Hồng Hải Chức vụ: Giám đốc.

2. Nội dung làm việc:

Bà Phạm Hồng Ngọc, giới thiệu thành phần dự họp và nêu định hướng, mục đích cuộc họp.

Qua nghe ý kiến phát biểu của bà Phạm Hồng Ngọc - Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, các thành phần dự họp có ý kiến như sau:

***ĐD UBND xã Phước Lý:**

- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

***ĐD UBND xã Long Thới:**

- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

*** ĐD UBND xã Phước Hậu:**

- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

*** ĐD UBND xã Phước Lâm:**

- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

*** ĐD UBND xã Thuận Thành:**

- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

*** ĐD UBND xã Mỹ Lộc:**

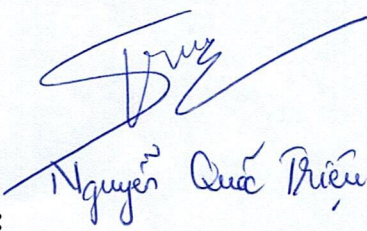
- Thống nhất hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước theo hồ sơ đề nghị xác nhận của Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc.

*** Qua trao đổi thành phần tham dự họp thống nhất, bà Phạm Hồng Ngọc ghi nhận và kết luận như sau:**

- Đề nghị Công ty TNHH MTV Nước Sạch Cần Giuộc: cung cấp bổ sung hồ sơ bản vẽ hoàn công (nếu có), hồ sơ thiết kế hiện trạng các tuyến ống cấp nước, khẩn trương gửi về phòng Kinh tế và Hạ tầng, trên cơ sở đó phòng sẽ tham mưu UBND huyện xác nhận về hiện trạng mạng lưới tuyến ống cấp nước của Công ty, phục vụ công tác thẩm định và phê duyệt Giá nước.

Cuộc họp kết thúc vào lúc...10...giờ ..00.phút cùng ngày, có đọc thông qua các bên cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Người ghi biên bản

ĐD: 
Nguyễn Quốc Biền

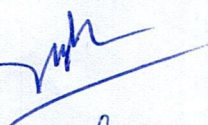


Ký tên: **Phạm Hồng Ngọc**

ĐD:

Ký tên:

ĐD: Nguyễn Hồng Hải

Ký tên: 

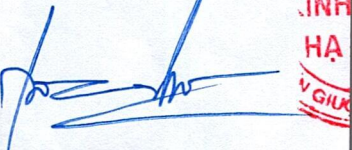
ĐD: Ngô Thành Tôn

Ký tên: 

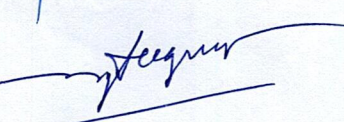
ĐD: Lê Hoàng Thọ

Ký tên: 

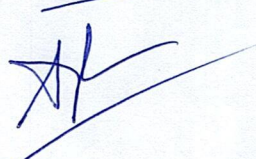
ĐD: Phạm Hồng Cúc

Ký tên: 

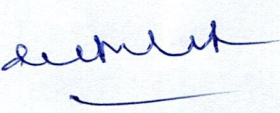
ĐD: Nguyễn Tử Quy

Ký tên: 

ĐD: Trần Công Hậu

Ký tên: 

ĐD: Ngô Đức Đại

Ký tên: 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

THỐNG KÊ TUYỂN ỚNG CẤP NƯỚC VÙNG THƯỢNG

STT	Đường kính ống	225		160		140		110		90		75		63		50		40		Số hộ
		Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	
	Loại vật liệu ống	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	
	PHƯỚC LÝ																			
1	Đ7826																			
2	Hẻm 1 (826)								850	960	750			360						
3	Hẻm 2 (826)																			
4	Hẻm 3 (826)																			
5	Hẻm 4 (826)																			
6	Hẻm 5 (826)																			
7	Hẻm 6 (826)																			
8	Hẻm 1 (835B)																			
9	Hẻm 2 (835B)																			
10	Hẻm 3 (835B)																			
11	Hẻm 4 (835B)																			
12	Hẻm 5 (835B)																			
13	Hẻm 6 (835B)																			
14	Hẻm 7 (835B)																			
15	Hẻm 8 (835B)																			
16	Hẻm 9 (835B)																			
17	Hẻm 10 (835B)																			
18	Hẻm 11 (835B)																			
19	Hẻm 12 (835B)																			
20	Hẻm 13 (835B)																			
21	Hẻm 14 (835B)																			
22	Hẻm 15 (835B)																			
23	Hẻm 16 (835B)																			
24	Hẻm 17 (835B)																			
25	Hẻm 18 (835B)																			
26	Hẻm 19 (835B)																			
27	Hẻm 20 (835B)																			
28	Hẻm 21 (835B)																			
29	Hẻm 22 (835B)																			
30	Hẻm 23 (835B)																			
31	Hẻm 24 (835B)																			
32	Hẻm 24 (835B)																			
33	Từ Sớm																			
34	Mười Cây									700										
35	Hẻm 1 (Mười Cây)									1,550										
36	Hẻm 2 (Mười Cây)																			
37	Hẻm 3 (Mười Cây)																			
38	Lộ Đình									725										
39	Hẻm 1 (Lộ Đình)																			
40	Hẻm 2 (Lộ Đình)																			

1,393

419

21

130

64

THỐNG KÊ TUYỂN ỚNG CẤP NƯỚC VÙNG THƯỢNG

STT	Đường kính ống	225	160	140	110	90	75	63	50	40	Số hộ
Vị trí	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	
Loại vật liệu ống	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	
41 Sáu Thuận						850					88
42 Hẻm 1 (Sáu Thuận)								120			
43 Lộ Nhà Đò					770			320			124
44 Hẻm 1 (Lộ Nhà Đò)								200			
45 Hẻm 2 (Lộ Nhà Đò)								430			
46 Phạm Thị Hồn					940	600		750			
47 Hẻm 1 (Phạm Thị Hồn)								50			86
48 Hẻm 2 (Phạm Thị Hồn)								445			
49 Hẻm 3 (Phạm Thị Hồn)								150			
50 Hẻm 4 (Phạm Thị Hồn)								150			
51 Hẻm 5 (Phạm Thị Hồn)										10	
52 Ba Làng					830	830					136
53 Hẻm 1 (Ba Làng)								50			
54 Hẻm 2 (Ba Làng)								150		100	
55 Hẻm 3 (Ba Làng)											
56 Hẻm 4 (Ba Làng)								180			
57 Trần Thị Tám					1,840	1,840					201
58 Hẻm 1 (Trần Thị Tám)								100			
59 Hẻm 2 (Trần Thị Tám)								100			
60 Hẻm 3 (Trần Thị Tám)								100			
61 Hẻm 4 (Trần Thị Tám)								350			
62 Chín Ngoc						925					322
63 Hẻm 1 (Chín Ngoc)								50			
64 Hẻm 2 (Chín Ngoc)					1,360			130			
65 Bờ Xe											110
66 Hẻm 1 (Bờ xe)								250		100	
67 Hẻm 2 (Bờ xe)								160		100	
68 Hẻm 3 (Bờ xe)											
69 Hẻm 4 (Bờ xe)								50			
70 Bờ Nhà Thờ					1,130	1,430					400
71 Hẻm 1 (Bờ Nhà Thờ)								200		50	
72 Hẻm 2 (Bờ Nhà Thờ)								500			
73 Hẻm 3 (Bờ Nhà Thờ)										100	
74 Hẻm 4 (Bờ Nhà Thờ)								700		130	
75 Hẻm 5 (Bờ Nhà Thờ)										50	
76 Hẻm 6 (Bờ Nhà Thờ)								100			
77 Hẻm Bờ Nhà Thờ - Phan Thị Hồn					700						108
78 Hẻm 1 (Bờ Nhà Thờ - Phan Thị Hồn)								100			
79 Hẻm 2 (Bờ Nhà Thờ - Phan Thị Hồn)								100			
80 Sân Banh					250	50					72
81 Liên ấp Phú Ân - Phú Thành					1,675			200			86

G

[illegible]

THỐNG KÊ TUYỂN ỒNG CẤP NƯỚC VÙNG THƯỜNG

STT	Đường kính ống	225		160		140		110		90		75		63		50		40		Số hồ
		Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải			
	Vị trí																			
	Loại vật liệu ống																			
2	Kênh Đại Hội									1,020									18	
3	Mai Văn É									1,200	1,385								20	
4	Kênh Sáng																		15	
5	ĐH19										600								19	
TỔNG THUẬN THÀNH		0	0	0	1,180	0	0	0	0	2,220	1,985	0	0	0	0	0	0	0	89	

[illegible]

PHƯỚC LÂM																
1	ĐT835		3,370													102
2	DH20															
2	Hẻm 1 (DH20)								2,900						250	327
3	Hẻm 2 (DH20)															
4	Liên thôn Phước Hưng - Phước Thuận										1,820					140
5	Ca Thị Thạch										900					40
6	Lê Thị Lục										1,500					72
7	Nguyễn Thị Sáng										1,600			100		
8	Hẻm 1 (Nguyễn Thị Sáng)										1,790					100
9	Kênh Sảng															61
10	Kênh Cáp 3										550			200		74
TỔNG PHƯỚC LÂM			3,370	0	0	3,720	0	0	2,900	0	5,790	2,370	0	0	3,670	916

MỸ LỘC														
1	ĐT835		2,630	2,640							2,630	3,090		218
2	ĐT835B		1,350	1,350								1,350		52
3	ĐH20				100									61
3	Cộng đồng Lộc Trung								2,520		100			191
3	Hẻm 1 (Cộng đồng Lộc Trung)													
4	Hẻm 2 (Cộng đồng Lộc Trung)											130		
5	Hẻm 3 (Cộng đồng Lộc Trung)											220		
6	Nguyễn Thị Thành									470				50
7	Hẻm 1 (Nguyễn Thị Thành)											200		
8	Hẻm 2 (Nguyễn Thị Thành)											170		
10	Đoàn Văn Diệu								950					
11	Hẻm 1 (Đoàn Văn Diệu)											50		154
12	Hẻm 2 (Đoàn Văn Diệu)											160		
13	Hẻm 3 (Đoàn Văn Diệu)											400		



THỐNG KÊ TUYỂN ỚNG CẤP NƯỚC VÙNG THƯỢNG

STT	Đường kính ống Vị trí	225		160		140		110		90		75		63		50		40		Số hộ
		Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	
	Loại vật liệu ống	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	HDPE	
14	Hẻm 4 (Đoàn Văn Diểu)																			
15	Công đồng Lộc Hậu														260					
16	Hẻm 1 (Công đồng Lộc Hậu)						1,840													229
17	Hẻm 2 (Công đồng Lộc Hậu)													415						
18	Hẻm 3 (Công đồng Lộc Hậu)														200					
19	Nguyễn Thị Bảy														130					
20	Chùa Tôn Thạnh														1,220					30
21	Hẻm 1 (Chùa Tôn Thạnh)																			
22	Hẻm 2 (Chùa Tôn Thạnh)																			51
23	Liên xã Mỹ Lộc - Phước Hậu					770	1,630				100									135
24	Trần Văn Thới																			15
25	Bờ Miếu										830									14
26	Ngô Thị Xứng										1,160					50				
27	Lương Văn Tiên										690									
											660									
	TỔNG MỸ LỘC	2,630	3,990	0	100	770	3,470	100	0	8,700	1,400	0	0	3,195	7,580	0	0	0	80	1,228
		7,200	7,520	5,790	9,820	770	4,930	5,545	2,420	31,090	16,560	1,150	0	9,690	26,805	80	0	580	2,950	
	TỔNG	14,720	15,610	5,700	5,700	7,965	47,650	1,150	36,495	80	3,530	8,879								